

PHẨM BÁT NHỊ MÔN

Hai phẩm Bát Nhị và Hương Tích nói trung đạo song lưu, có hai: **PHẨM BÁT NHỊ PHÁP MÔN**, có hai: a, nêu chương. b, tùy giải thích, giải thích ý có phẩm. Chánh giải thích phẩm, rộng lập tứ cú rộng giải thích ước câu chánh chọn, nêu bày. Chánh giải thích:

Lý thiên viên môn, ngài Kinh Khê nói: Dùng câu thứ ba mà chọn Nhị thừa. Ý này chính là ý Phương đẳng. Cũng có thể nói Nhị thừa Thông giáo nghĩa đồng tam tạng. Địa tiền của Biệt giáo gọi là thiên môn. Nếu Sơ địa gọi là nhập Viên lý. Nhưng trước khác sau không đồng Viên giáo. Hoặc nói rằng giáo đạo địa tiền không phải nhập viên. Từ chứng mà nói mới gọi là viên lý.

Lý Biệt Viên môn: Một câu là người nhận tiếp, một câu là người hiểu viên mà làm tiệm. Sơ địa tức là sơ trụ, vì đối nhau mà thành câu. Đã tu hạnh tiệm nên nhận tên địa.

Lý viên dung giáo. Lý bốn giáo tức lý, ngài Kinh Khê nói: Bốn câu thứ tư là phân biệt bốn câu thứ ba trước. Trước tuy là lý giáo đối nhau làm môn, nhưng chưa biết đó là giáo lý của giáo nào. Cần phân biệt tức lý năng sở. Biệt Viên lại đối tạng mà chọn hiển lý giáo trước.

Đại tiểu nói và im lặng, ngài Kinh Khê nói: Bốn câu thứ năm tức là đối bốn tứ cú kia mà phân biệt. Trước đều từ pháp tuy đối lý mà biện. Chưa luận nhập là im lặng và không im lặng. Nay lại từ hạnh lập môn này lại phân biệt bốn thứ trước.

Giáo hạnh xa gần, ngài Kinh Khê nói: Bốn câu thứ sáu, người nhân người quả xưa nay đối nhau hiển bày Viên giáo trước cũng lại phải ước ba giáo trước mà phân biệt.

Giáo môn đặc thất, ngài Kinh Khê nói: Bốn câu thứ bảy là căn cứ đặc thất mà luận. Đặc thất là do hạnh, hiển bày trước đều đặc, nay lại mang thêm thất.

Xuất nhập phàm Thánh. Câu đầu là ba thừa, câu hai là năm đạo, câu ba chỉ có biệt, câu bốn chỉ có viên. Ngài Kinh Khê nói: Bốn câu thứ tám, là căn cứ một đời thuyết giáo để luận các tướng xưa nay đối nhau, xuất nhập được không. Nói xưa nay trong bảy tứ cú trước để luận đặc thất. Cũng là thiên viên đối nhau để luận. Chỉ có bốn môn thứ tư là viên là đặc.

Đại quán tiểu quả. Ngài Kinh Khê nói: Câu chín là ước đại quán tiểu quả đối nhau mà luận. Câu đầu là tiểu quả, ba câu sau là đại quán. Cũng gọi là đại nhân. Đây như Pháp Hoa đối nhau mà luận diệu.

Quán môn suy nghĩa thiên viên. Ba quán, vì lia đoạn thường nên gọi là trung đạo. Cho nên câu bốn tức người tu bất định chỉ quán. Ngài Kinh Khê nói: Tứ cú thứ mười là thuần ước quán môn, tuy lại nhiều môn mà ý ở tại quán. Cho nên khiến phải nói quán môn sau chót.

“Thế thì...” là kết bày giải thích thành, kết bày. Đây căn cứ tình ngộ, vì tùy cơ tình nên môn hay nhập không đồng, mà lý được nhập là một. Đây ở lý mà giải thích. Lý được nhập chỉ là một im lặng, song luận về hay nhập đều khác. Cho nên ngài Tịnh Danh im lặng, các Thánh đều nói bèn cùng biểu hiện bên trong.

Bất nhị, ngài Kinh Khê nói: Như hương về mười môn mà chọn nhập và không nhập. Nhập là thiên viên, viên là không hai, thiên thì có hai. Không hai mới là chỗ nhập môn của nay. Hai thì không nhất định, hoặc tà hoặc chánh, hoặc tiểu hoặc đại, chỉ sự chỉ lý. Nhưng chỉ riêng một nghĩa hoặc còn hoặc mất, như đều chọn lựa sau. Phải biết là chọn nhập và chẳng nhập hai thứ. Nếu được nhập thì không hương về các thất.

“Nếu ở...” là giải thích thành, căn cứ ngộ lý tịch chiếu mà giải thích, chánh giải thích, giải thích nhập và không nhập hai thứ. Chiếu mà song tịch, rất tịch mà song chiếu, là căn cứ ba đế cùng dung nhau, bèn tịch chiếu tương tức. Vì tương tức nên xuất nhập đều ngộ. Giải thích pháp môn. Pháp nhị và bất nhị, nhị tức hai biên, bất nhị tức trung. Cho nên biết chỗ chiếu chỉ là pháp bốn cụ nhất tâm tam thiên ba đế mà thôi. Môn, lại là đẳng. Lại là sở chiếu gọi là môn. Lý thông tất cả gọi là môn. Thế thì ...” là kết bày. Ngài Kinh Khê nói: Thế thì một pháp đẳng. Bất nhị và môn chỉ là một pháp. Nhưng pháp là từ chỗ mà lập, còn môn là di dụng sinh. Lập tên tuy khác như thể của pháp Không khác. Nên nói bất nhị. Căn cứ các môn này có hai và không hai.

“Lại hai...” là căn cứ mê ngộ đối nhau mà giải thích, chọn mê bày hai. “nay nói...” là ước ngộ mà giải thích không hai, căn cứ pháp chánh bày. Không nương vào hai đến bỏ hai biên cũng chẳng đến bất nhị, không đắm trước trung đạo. “Cũng chẳng...” là chữ ly phải viết là y, vì lầm, “đều xả...” là giải thích hai câu trên. Và không hai biên, ngài Kinh Khê nói: Bỏ đắm trước trung đạo. Tức trên nói cũng không nương không hai của sinh tử Niết-bàn. Lý trung đạo này gọi là môn. Hiện giáo tức lý được nhập. Nói nhập bất nhị pháp môn, nhập tức năng quán, ba quán bất nhị pháp môn tức là sở quán. Ngoài tâm ba đế không có cảnh, nên gọi là bất nhị. Có thể làm phép tắc thì gọi là pháp, thông suốt thì gọi là môn. Dùng đây mà tóm kết bao quát các thứ khác. “Pháp Hoa...”

là dẫn chứng chọn người, dẫn kinh chứng môn. Ngài Kinh Khê bảo: Pháp Hoa nói môn trí tuệ ấy... lý tức là môn. Vì trí trong môn này xứng lý nên hỏi. Mượn khai văn để hiển bày vấn nạn, cũng nghĩa là cảnh trí tương xứng.

“Không phải chỉ...” là chọn người năng nhập, chọn bỏ thiên hiển viên. “Chỉ trừ ...” là thừa mấy chữ. “Lại viên ...” là chọn bỏ phạm hiển Thánh. Ý chung có thể như thế. Nếu luận ý chung thì chỉ tương tự gọi là nhập. Quán hành, danh tự cũng gọi là nhập. Như người biết nhà ấy..., ngài Kinh Khê nói: Đây là ước trụ tiền biết viên là dụ hiển bày trụ. Phần chân gọi là nhập. Như khai thị ngộ nhập... tên chứng nhập này là do ở phần chân. Nghĩa biệt nếu thế, há chỉ tên nhập từ biệt. Cả ba thứ khai, thị, ngộ cũng không chung cho phạm phu.

Hỏi: Sư nay dùng khai... bốn thứ để đối bốn mươi vị thì nhập phải ở mười Địa. Trong đây vì sao lại nói trong sơ trụ mà luận?

Đáp: Pháp Hoa sơ giải thích khai thị ngộ nhập gồm có bốn nghĩa: a, là ước bốn vị, hai là ước bốn trí. Đó là đạo tuệ đạo chủng tuệ Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí. Hai thứ này đều căn cứ dọc đối bốn mươi vị.

Căn cứ bốn môn, thì không môn tức khai, hữu môn tức thị, hai cũng môn tức ngộ, song phi môn tức nhập.

Căn cứ quán tâm, tâm tánh ba đế là bất khả tư nghì. Quán này nói Tịnh Danh khai, tuy bất khả tư nghì mà hay phân biệt ba đế không lạm nên gọi là thị. Ba và một tương tức nên gọi là ngộ, không phải ba mà chiếu ba nên gọi là nhập. Hai thứ này đều ước ngang mà luận vị, vị đều đủ bốn. Nếu ước ngang, là thật trụ tiền của thông. Nhưng văn kinh đã nói bốn hoa biểu thị chính là ở Thánh vị. Cho nên nay lấy ngang trải dọc sơ trụ đủ bốn. Phẩm này...” là theo phẩm trước mà hiển ý, thành phẩm Bồ-tát trước được nhập vào môn này. Vị Vô sinh nhẫn, là nhân chê trách mà đối quán, nên nhập vào vô sinh. Cũng không thông trung mà trụ, là cũng chẳng trụ trước vào trung đạo hay thông. Thành phẩm Thăm Bệnh trước. Ngài Kinh Khê nói: Tiến luận, tức là luận về quả dụng, nên nói tiến luận. Thành hai phẩm Quán Chúng Sinh và Phật đạo ở trước. Loại như trời đất đến chẳng sinh. Kinh Dịch nói trời đất giao nhau mà vạn vật thông. Nêu tên nghĩa cùng thông, có hai: a, nói tên môn thông cả xuất nhập, nêu lập. “Thông giáo ...” là giải thích, “Lại nữa...” là hiển nghĩa pháp thông cả xuất nhập, nêu lập. Bất nhị là pháp. Phẩm của kinh chỉ nói nhập bất nhị. Nay dùng nghĩa thông cũng phải nói là nhập nhị. Trong đây lại phải nêu rằng không phải chỉ nhị gọi là

xuất, bất nhị cũng gọi là xuất, vì văn lược bỏ mà thôi. Vì pháp môn vô lượng nghĩa nó đều thông.

“Như pháp ...” là giải thích, chánh giải thích, gồm dẫn trong nhà trưởng giả mà hiển nhị gọi là nhập. Tạo lập phòng nhà tức hữu dư Niết-bàn trong cõi nước hữu dư. Lập nhà từ bi nương tánh nhà trống. Vàng bạc dụ cho ba mươi bảy đạo phẩm Đại thừa. Kho lẫm là định môn tức một trăm lẻ tám Tam-muội. Kho là tuệ môn tức mười tám không. Không hai mà hai gọi là xuất, phải nói là nhập, nay nói xuất là lẫm. Tức nêu rằng hai cũng gọi là nhập là đó. Song tục bất tư nghì này nhìn sang chân bất tư nghì kia, tuy gọi là xuất. Nếu nhìn nội giới tư nghì thì chân tục đều gọi là nhập cả. Vì nhập vào trong nhà vậy. “Tự ư ...” là chánh bày ý này. “Như xá ...” là dẫn gia bị Tiểu thừa để hiển bất nhị gọi là xuất. Chuẩn văn này thì biết hợp trước nêu rằng không phải chỉ nhị gọi là xuất, mà bất nhị cũng gọi là xuất. Vì đối nhau để bày tỏ nên lược bỏ trước. Đây cũng từ nhị mà nhập vào bất nhị. Vì chỗ chứng của Tiểu thừa là tục ngoại giới nên gọi là nhị. Để gia bị nên nói không cùng chung Bát-nhã, tức chân ngoại giới nên gọi là bất nhị. Nhưng chỉ biết trở đi trên tạm ban gia bị để nhập. Đã đều không mong lấy nên đây lại cướp đi, nên nói không phải là chân ngộ nhập. Nếu biết rõ dưới đã gia bị mà không phải là chân ngộ nhập, do đó mà ra chứng tiểu quả nên nói lại xuất thảo am. Thảo am là chân nội giới gọi là bất nhị. Đã ra trụ tiểu quả, há không phải bất nhị lại gọi là xuất ư? Lúc đó ...” là kết bày. Nhưng đây hai phen nói nghĩa xuất nhập đã thông. Nếu muốn dễ hiểu phải nói dùng hai đế nội giới nhìn sang hai đế ngoại giới, đều cần phải phá nội nhập ngoại. Cho nên khiến tục đế ngoại giới cũng được tên nhập, tức nhị cũng gọi là nhập. Đây tức ý của phen đầu. Nếu từ gia bị ra chứng tiểu quả tức từ quả ngoại tục ra chân nội giới, tức bất nhị cũng gọi là xuất.

“Nay nói...” là chọn hiển bày, tức từ tục ngoại giới mà nhập chân ngoại giới nên nói nhập bất nhị. Phải biết hai đế nội giới đã thuộc tục ngoại giới vậy.

Vào văn, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải, ngài Tịnh Danh hỏi nguyên do hỏi. Từ đầu hội đến nay chỉ có hai người đối đáp nhau, các người khác đều im lặng. Nay muốn đều hiển các công đức, nên hỏi để khiến đều nói. các Bồ-tát đều nói, huyền nói nghĩa chỉ:

Biểu thị Viên vị, nêu ba nghĩa: 1) nương Đại kinh. 2) nương Nhân vương. 3) nương Đại phẩm.

Giải thích, có ba: a, biểu thị vị khai trước hợp sau. Tức Đại kinh

nói thuốc bất tử của trời Tam thập tam, các quan văn võ cùng uống, tức là cam lồ bất tử. Vì Niết-bàn như cam lồ khiến sinh tử dứt hẳn, là thuốc chân bất tử. Biểu thị vị hợp trước khai sau. Mười bốn cõi cũng gọi là mười bốn nhãn, tức khai năm nhãn thành mười bốn nhãn.

1. Phục nhãn có ba phẩm, tức ba mươi tâm.

2. Tín nhãn.

3. Thuận nhãn.

4. Vô sinh nhãn, mỗi thứ đều có ba phẩm đối địch chín Địa.

5. Tịch diệt nhãn có hai phẩm: Hạ phẩm đối với Địa thứ mười, thượng phẩm đối với Diệu giác. Vì nó hợp với Đẳng giác ở mười Địa.

Biểu thị trước sau đều khai. Đại phẩm dùng bốn mươi hai chữ biểu thị cho viên vị. Trước là A, sau là Trà A nói là không. Tức sơ trụ vô minh phá trước không sinh. Trà, nói đủ là Ba-trà, Hán dịch là hết, ngoài chữ Trà không có chữ nào nữa. Tức diệu giác rốt ráo. Trung luận có tám bất, Tiêm sư nói đó là bất sinh, bất diệt, bất đoạn, bất thường, bất nhất, bất dị, bất lai, bất khứ. Nên nói là tám. Nếu không đến bốn mươi hai địa, tức tiểu Bát-nhã nói: Tất cả Hiền Thánh đều dùng pháp vô vi mà có sai khác. Nếu phân biệt đến đều đủ các chữ. Tức kinh Lăng-già nói một Địa mà đầy đủ tất cả Địa.

“Phải biết...” là kết ba nghĩa, chỉ có nghĩa đầu cùng Bồ-tát nay vị số tương đương. Đã khai hợp gồm nhau cho nên đồng hai thứ sau. Cho nên nói tức biểu thị ba nghĩa này. Căn cứ tự hành. Năm trăm thân nhân như trước đã nói. Nay lấy tiểu mà làm chuẩn cho đại, nên dẫn ra. Căn cứ hóa tha, ngã, vô ngã đến như thế, lấy tám đảo làm chuẩn vào sinh diệt mà nói. Sinh là bốn vinh, diệt là bốn khô. Cho nên căn cứ bốn Biệt Viên, có chánh giải thích. Tiêm sư nói: Ngài Văn-thù không nói năng. Nói và không nói như kinh nói rằng: Như ý ta thì đối tất cả pháp Không dùng lời lẽ nói năng gọi là nhập bất nhị. Liệu giản, hai giáo cách biệt nhau. Ngài Kinh Khê nói: Nếu làm ba môn... đây là duyên với văn trước đối các ngài Văn-thù và Tịnh Danh, phán quyết ba mươi hai người lệ ở cảnh riêng. Nay lại hỏi đáp hiển bày Biệt Viên. Không thể chuyên phán quyết lấy làm Biệt giáo. Nếu đối một môn mà nhiếp bốn mươi hai, các môn cũng thế. Bốn môn gồm thân. “Pháp tự...” là tùy văn giải nghĩa riêng, nói ba mươi một Bồ-tát đều nói ba mươi một. Pháp tự tại chánh giải thích, giải thích tên. Ngài Kinh Khê nói: Thì quyền thật đến vô phược. Như trong phẩm Thăm Bệnh tuệ cùng phương tiện đối luận về phược và giải. Nay nói tự tại tức có hai dụng. Tuệ tức thật tuệ, nên nói hai tuệ. Quyền tuệ thì tự tại, thật tuệ thì không phược. “Sinh diệt

...” là giải thích môn. Đều là tùy tình... chưa nhập sơ trụ kiến lý, trụ tiền, tương tự... các giải thoát đều là tùy tình. Chọn quyết, ngài Kinh Khê nói: Sở dĩ đối pháp tự tại mà vẫn đã rộng phân biệt là đứng đầu các Bồ-tát nên phải thế. ...” là đại chỉ cần chuẩn theo đây. Cho nên các văn giải thích dưới cùng tóm lược. Văn có ba: a, chọn chẳng phải ngoại chấp. b, chọn chẳng phải tam tạng. c, chọn chẳng phải Thông giáo. Mỗi thứ đều có hỏi đáp đều như văn. “ Nay ...” là kết bày. Phần trung đã thoát, là phần kiến trung đạo vậy.

Đức Thủ, có hai: a, giải thích tên. b, “ngã ...” là giải thích môn, chánh giải thích. Hoặc tùy tánh dụng... tức tự hành vậy. Hoặc vì phó cơ tức là hóa tha vậy. 2. Nếu hai ...” là chọn chẳng phải chưa không ở sở, tức lấy Niết-bàn làm ngã sở. Bất Thuần, có hai: Giải thích tên. Đánh sinh trên Đạo-lợi, duyên như phẩm Thánh Hạnh của Niết-bàn. b, giải thích môn. Không chịu có năm thứ, như phẩm Hành Tướng của Đại phẩm nói: Khi Bồ-tát hành Bát-nhã, hành cũng không thọ, không hành cũng không thọ, cũng hành cũng không hành cũng không thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không thọ, chẳng thọ cũng chẳng thọ. Năm thứ này tức không thọ hai biên.

Đức Đánh, có hai: a, giải thích tên: Đánh thiên như trước đã ghi. b, giải thích môn.

Thiện Tú, có hai: giải thích tên. Đó là hai mươi tám sao, là giác, cang... năm sao, thì Sử ký nói là thủy, hỏa, kim, mộc, thổ. Năm sao này làm phò tá cho trời, là kinh vĩ của trời lúc hiện lúc ẩn. Cho đến năm ấm, tóm tắt các ấm giữa nên nói cho đến. Quảng sơ nói cho đến năm ấm, thì hiểu rõ năm ấm tức năm Niết-bàn gọi là Thiện tú “sao lành). Đây là ước chỗ phối hợp. Nhật tinh tú Tam-muội, tức trung trí như mặt trời, không trí như năm sao, giá trí như hai mươi tám sao vừa kể. b, giải thích môn. Ngài Kinh Khê nói: Là động niệm... vì động niệm do đó cảnh động. Nay chỉ chung lấy tâm bất động mà đối với cảnh động. Cho nên cảnh trí của ba giáo gọi là hai, chỉ có cảnh trí của viên mới gọi là bất nhị, gọi là không động niệm.

Thiện Nhân, có hai: a, giải thích tên, ngài Kinh Khê nói: Thiện nhân tức tuệ nhân, tức là từng phần được tuệ nhân như Thế Tôn. b, giải thích môn, có hai: a, nêu các giải thích khác. Ngài Kinh Khê nói: Ba giải thích của Đại thừa, một giải thích của Tiểu thừa đều không phân biệt, cạn sâu một tướng. Văn có hai: a, Nhân sư. b, Tỳ-đàm. Hoặc chẳng phải tâm pháp, tức là sắc. Hoặc Đại hoặc Tiểu, là sinh trụ dị diệt mỗi mỗi đều có Đại tiểu, nghĩa là Tiểu sinh sinh Đại sinh... như trước đã

ghi. Tám tướng đều ước một pháp... nghĩa là đại tiểu bốn tướng thành tám tướng. Nên gọi là hai tướng, chẳng đồng nói hai, nên tám cũng gọi là hai. Nếu không được một pháp này, nếu tâm pháp đã không thì tám tướng sao còn, sắc pháp cũng thế. Nay đều không dùng, ngài Kinh Khê nói: Lại nếu đối đãi mà nói một không thì không dùng. “Nay lấy ...” là giải thích nay, y Đại luận, tướng và pháp..., tướng tức là tám tướng, pháp là bốn pháp. Ngài Kinh Khê nói: Nay lấy thích luận... không phải khác tức là một, không phải một tức là không. Lại không phải một và không này mới gọi là bất nhị. Kế, cũng như ...” là trước đem một để phá số, kế một tướng, không tướng ...” là cùng phá một và không, mới gọi là bất nhị. Căn cứ vào A-hàm, ngài Kinh Khê nói: Lại có ba pháp khai tâm làm bốn, lời văn hơi tóm gọn. Nói rộng thì lại có ba pháp sắc và tâm số. Lại có bốn pháp khai tâm làm ba. Vương, số, đồng thời và sắc là bốn. Lại có năm pháp khai tâm là bốn. Đối sắc là năm. Nhưng đây chỉ là Tiểu thừa A-hàm khai hợp sắc tâm để giải thích một và nhiều. Chỉ tạm nhờ hiển tướng mà không phải dùng hẳn. “Nếu chẳng ...” là chánh nói quán tướng. Căn cứ ba thoát.

Diệu Tý, gồm giải thích tên, hoặc dùng sự diệu nên được tên là cánh tay đẹp màu. Ngài La-thập nói: Vì quả báo bố thí nên tay hay sinh ra vô lượng báu vật năm giòng sông, nên gọi là tay màu. Hoặc quyền thật...” là ước chỗ biểu thị. Ngài Kinh Khê nói: Bất tư nghi thật cùng quyền lý đồng. b, giải thích môn. Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn, ngài Kinh Khê nói: Đây là Bồ-tát hai giáo đối Nhị thừa hai giáo. Tự thiện và vị tha tức Thanh văn là tự thiện, Bồ-tát là vị tha.

- **Phát-sa**, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn. Ngài Kinh Khê nói: Trước nêu giải thích xưa. “Dẫu thử ...” là chê xưa. “Nay lấy...” là chánh giải thích.

Sư Tử, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn. Ngài Kinh Khê nói: Trước căn cứ ở thế gian hai tên, kế luận dị đồng. “Nếu lấy ...” là chê xưa. Nay lấy ...” là chánh giải thích. Ma-ha Na-già, Hán dịch là Đại long, tức gọi Phật là rồng lớn trong loài người.

Ý Sư Tử, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn.

Tịnh Giải. Hữu vi..., ngài Kinh Khê nói: Trước phân danh và thể. Ý nói văn trước đã nêu tên lậu và vô lậu xong rồi. Nay lại lập tên hữu vi và vô vi. Vì khác môn, nên lại lấy hữu vi đối ba vô vi. Như được vô lậu cũng là hữu vi, Tiêm sư nói, ở phẩm Hương Tích sau, số nói: Lại từ Tu-đà-hoàn đến La-hán, các trí tuệ có được gọi là hữu vi, còn đoạn có được gọi là vô vi. Vô vi tức là hữu dư Niết-bàn, nay có thể y theo

đó. Số duyên và phi số duyên, tức bản dịch mới gọi là trạch diệt và phi trạch diệt. Câu-xá tụng nói: Trung không này vô ngại. Trạch diệt gọi ly hệ. Rốt ráo ngại đời sau. Riêng được phi trạch diệt. Giải thích rằng: Không vô ngại tức là hư không lấy vô ngại làm tánh. Phi nghĩa là chỗ thấy không một hiển bày sắc và các lỗ trống..., trạch diệt lia trói buộc, là tùy các trói buộc đều khác. Tùy trói buộc ba cõi mà các kiến phẩm đều gọi là hệ (trói buộc). Các trói buộc không đồng nên gọi là tùy sự. Lia một hệ “trói buộc” nên được một trạch diệt, sức trạch khiến diệt nên gọi là trạch diệt. Nghĩa là đoạn trí suy lường khiến diệt, nên gọi trạch diệt. Ngại ở đời sau. Đây là phi trạch hai loại không đồng nghĩa là căn trần thiếu duyên và ngôi vị chứng được các hoặc vô tri không tiếp tục khởi gọi là ngại đương sinh. Như khi duyên một sắc thì ở sắc khác và bốn trần khác được phi trạch diệt. Vì sắc chánh duyên làm trở ngại bốn trần kia, sắc... phải không sinh, cho nên một là Niết-bàn. Tiêm sư nói là trạch diệt vô vi vậy. Hai thứ phi Niết-bàn là hư không và phi trạch diệt. Nay sắp lia tất cả số... ngài Kinh Khê nói: Vì trong hữu vi thì số đối ba, còn trong vô vi thì số duyên với diệt, nên gọi là hai. Nếu không có số ấy và số diệt thì bất nhị.

Na-la-diên, có hai: a, giải thích tên: Na-la-diên, Niết-bàn số dịch là kim cương. b, giải thích môn. Không ra không đến, tức không ra khỏi sinh tử thì không đến được Niết-bàn, vì đều không. Ngài Kinh Khê nói: Chánh đáng ý thông. Nay cần ở viên.

- Thiện Ý.

Hiện Kiến. Ngài Kinh Khê nói: Trong văn hiện kiến không giải thích tên. Đã thấy trung đạo nên gọi hiện kiến. Si là vô minh cho đến lão tử, trong đây chỉ đủ mười hai duyên. Đây dùng ý kinh thành quán nay. Nay quán bất tận là không, là không trung đạo từ phi tận. Giải thích sau nêu trung không gọi là bất tận. Tận và bất tận này tức phi tận và phi bất tận.

Phổ Thủ, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn. Ngài Kinh Khê nói: Vì nói nên đối với ngã không... và dẫn nhập ngã tự tại. Tên đều ở trung đạo pháp tánh. Cho nên cần dẫn để phòng bị cái lỗi tên đồng nghĩa đồng. Cho nên tên đồng nghĩa khác mà giải thích.

Điện Thiên, có hai: a, giải thích tên. b. Giải thích môn. Ngài Kinh Khê nói: minh và vô minh là hai thứ. Đây là nội giới không tức vô minh, cho nên cùng minh ngoại giới là hai. Vô minh tức minh ...” là chánh giải thích tướng của nó. Tức là vô minh tương tức. Vô minh tức minh. Thể của vô minh còn tự không hai, hướng là đối với minh. Nên nói Phật tánh

tức là minh. Minh có ba thứ, phẩm nêu ra mà thôi.

Hỷ Kiến, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn. Ngài Kinh Khê nói: Trước bài xích thứ lớp vụng về, “nay tức ...” là chánh giải thích. Như huyền có tức không. Tất cả pháp thú không và chẳng Không là chân không.

Minh Tướng, ngài Kinh Khê nói: Bốn thứ không chủng... cũng lập trước. Kế bốn chủng cho đến bất nhị mà chánh giải thích. Nói nội ngoại đều không tức là thể Không, tức là trung đạo không vậy. Đây đủ như đã giải thích trước.

- Diệu Ý.

Vô Tận Ý. Nay nói bố thí... là thấu rõ hai thứ Tạng, Thông, thành bất nhị nay. Lục độ chung riêng. Lục độ là riêng, hồi hướng là chung, vì sáu đều hồi hướng.

Thâm Tuệ, ngài Kinh Khê nói: Tên thâm tuệ trong văn không giải thích. Tuệ thấy đến đáy nên gọi là thâm. Đáy tức thật tướng.

Tịch Căn, có hai: a, giải thích tên. Ba căn vô lậu, như trước đã ghi. Ngài Kinh Khê nói: Đây là ba căn vô lậu của Đại thừa, từ tịch diệt thật tướng mà sinh. Căn được thanh tịnh, là phần chân thanh tịnh. b, giải thích môn, có hai: a', rộng giải thích nghĩa Tam bảo, có hai: a", nói hai tướng. Trong văn trước hỏi nêu Tam bảo, là ba mà không phải hai. Đã nói...” là nêu hai ý đáp mà giải thích: Căn cứ khác nên gọi hai. Thế thì bốn pháp cho đến vô lượng, đối lý nhất như đều được tên hai, há chỉ ba pháp. Lại giải ...” là kế thu gọn Tam bảo để làm nhân pháp, cho nên biết Tam bảo chỉ là hai. Nói Phật cùng chúng sinh đều là người, chữ sinh dưới chữ chúng phần nhiều do người sau đối thêm vào. Chúng tức là tăng vậy. Vì Tăng-già, Hán dịch là Chúng. Cho nên Phật tăng hai bảo đều là người. Phật là người quả, tăng là người nhân. Cho nên nói...” là dẫn Đại luận chứng Phật gọi là người. Vì người cùng chúng sinh đều là giả danh. Người không hiểu điều này nên dưới chữ chúng liền thêm chữ sinh. “Nay quán...” là nêu bất nhị, có hai: a, chánh căn cứ Tam bảo nêu bất nhị. “ Vì sao...”, lại trải ba thân mà nêu bất nhị, có hai: a, căn cứ ở thân nói rộng, có hai: a, bắt đầu nói chung. b, người...” là ước thân riêng nói, có hai: a, thân đối địch. b, ba thân đều nói, có ba: a', pháp thân Tam bảo là thầy Phật pháp. Chữ pháp là lầm. Phải nói thầy của chư Phật. Đây tức Đại kinh nói: Thầy của chư Phật tức là pháp. Vì pháp thường nên chư Phật cũng thường. Chư Phật tức báo trí. pháp thân này chính là pháp, Phật há được lại là thầy pháp Phật ư? Pháp có thể làm khuôn phép, vì báo trí làm quy tắc pháp tánh mà thành. Tức

là vì pháp thường nên chư Phật cũng thường. Pháp có nghĩa là quy tắc (“khuôn phép”). Cảnh trí tương xứng. Ngài Kinh Khê nói: Không xứng thì không hòa hợp. Đã ước cảnh trí để nói Tam bảo mà nói là cảnh. Phật pháp cơ trí xứng nhau. Cảnh cũng xứng trí, nên gọi là tương xứng. Báo Phật Tam bảo. Ngài Kinh Khê nói: Cùng lý tương ứng, trí ứng với lý như trước. Dựa vào lý tức là lý ứng ở trí. Ứng thân Tam bảo. “Tuy lại...” là kết bày bất nhị. Song ba thân này mỗi thứ đều nói Tam bảo. Phàm có hai khác. Như hai thân pháp báo chỉ là cảnh trí chiếu nhau, phát... cùng thành ba nghĩa. pháp thân lấy trí được phát làm Phật, báo thân lấy cảnh được chiếu làm pháp. pháp thân lấy cảnh đồng với trí làm tăng. Báo thân lấy trí đồng với cảnh làm tăng. Chỉ vì do báo và pháp ngầm tương ứng phù trợ nhau. Được trông vào nhau đều làm Tam bảo. Chỉ ứng thân Tam bảo một mực ở ứng mà nói, xét kỹ văn trước nghĩa có thể thấy. Phàm mười hai bảo vì nguồn gốc là ba nên đều lưu xuất thành chín, nguồn gốc và số thì có mười hai. Chưa từng có khác, vì ba thân một thể, người pháp Không hai. Nhập vào một thật tướng, ba và chín tuy khác, nhưng một tâm không khác. “Tam bảo ...” là tóm lược y theo tất cả pháp. Ngài Kinh Khê nói: Các pháp cũng thế. Các pháp đều là một thể thật tướng Tam bảo.

Tâm Vô Ngại, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn. Trước chê tiểu quả. Diệt tức Niết-bàn diệt. Chỗ nhân quả diệt hết tức là lý tịch diệt của Niết-bàn. “Nay quán ...” là chánh giải thích. Nói Niết-bàn tức là sắc. Không tức là sắc. Không này cũng là không trung đạo. Trong trung đạo đầy đủ tất cả sắc không.

Thượng Thiện, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn, có hai: a', chánh giải thích hiện văn. Văn này cũng có hai nghĩa: a, vì khác nên gọi là hai. Giải thích trước, tức giải thích trong tịch căn. “Lại thân ...” là nghĩa kế, tóm thâu ba thành hai. Chỉ là sắc tâm, sắc tâm là hai. Ngài Kinh Khê nói: Tiểu thừa nhập không cũng còn thấy có hai. Ở trong thật tướng thấy tất cả pháp Không thể được một pháp, há lại phân sắc tâm, nên nói là không hai (bất nhị). Từ trên đến dưới đối trên kết thành. Thiện căn tức người thứ sáu. Bốn thứ không chủng tức là nói tướng thuyết môn thứ mười tám. Nay lấy thượng thiện đối hai người trên, cùng thành ba thoát đều từ một ngộ.

Phước Điền. Ngài Kinh Khê nói: Kinh động, là giải thích có tấn thoái. Trước lấy bốn thiền đều gọi không động. Kế thiền thứ bốn đến bốn không bèn gọi không động. Đây chỉ là giải thích của người khác. Nay nói như trên nói vô động chỉ thuộc ở phước, đều là hữu lậu, cho nên

thuộc động. Đối lý vô lậu mới gọi không động.

Hoa Nghiêm, ngài Kinh Khê nói: Từ ngã khởi hai thứ, là ý nói phá ngã kiến đối vô ngã nên nói là khởi hai. Chưa thông suốt tánh ngã nên khởi hai thứ.

Đức Tạng, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn. Như ngài Thân Tử, là văn đầu ở phẩm Bất Tư Nghì. Nên kinh nói: Phạm người cầu pháp Không thấy khổ, cầu không đoạn tập, cầu không tạo tác, cầu tu đạo tận chứng. Cho đến thế là hý luận, không phải cầu pháp.

Nguyệt Thượng, có hai: a, giải thích tên: Trăng tròn sáng..., tức Hoa Nghiêm nói: Ví như mặt trăng tròn sáng khắp hiện trên các mặt nước, hình ảnh tuy vô lượng nhưng trăng chưa hề có hai. b, giải thích môn. Hiện hối cũng là sáng tối. Kinh nói: Như nhập định diệt thọ tướng, lấy tiểu định để dụ sáng vậy. Vì trí chiếu diệt mất nên vô minh. Kiết hoặc đã hết nên không tối.

Bảo Thủ Ấn, có hai: a, giải thích tên. b, giải thích môn.

Châu Đảnh Vương. Ngài Kinh Khê nói: Tên Châu đảnh vương trong văn không có giải thích, ví như viên minh châu trên đảnh của luân vương, là châu ở trên đảnh, nên nói là châu đảnh.

Lạc Thật, có hai: a, chánh giải thích lạc thật, b, giải thích môn, giải thích thật không thật. Giải thích nhục tuệ nhãn, chánh giải thích, gồm nêu văn dẫn kinh. “Nhị thừa...” là y kinh bày nghĩa. “Chỉ đại...” là kết bày. Ngài Kinh Khê nói: Nếu ước Biệt giáo để nói thì chánh quán trung đạo là tuệ nhãn, ở trong mười trụ mà quán xa hơn chỗ mong cầu. Từ Thập hạnh...” là từ không xuất giả, nên nói là chiếu hai đế, nên từ giả mà gọi là pháp nhãn. Ba đế đồng quán tức nhập Sơ địa. “Trong ấy...” là giải thích-các Bồ-tát, có hai: a, chánh bày hai giải thích nghi. b, Văn-thù Bồ-tát nói, có hai: a, phân khoa. “nhất chư...” là tùy giải thích. Các Bồ-tát hỏi, Văn-thù nói, lược giải thích. Cho nên nói khởi tướng liên si... là văn Ban-chu nói. “nếu làm...” là rộng giải thích, căn cứ môn nêu nghĩa, có hai: a’, căn cứ năm môn chánh giải thích, có hai: a”, chánh giải thích, Bồ-tát...” là giải thích, căn cứ trước làm bốn môn, chánh nêu. “các Bồ-tát...” là kết lợi ích. Nhưng bốn môn này chỉ là ba đế, không môn là chân đế, hữu môn là tục đế, hai thứ cũng song phi tức là trung đạo giá chiếu. căn cứ ba đế tương tức, cho nên bốn môn cùng dung nhau. Ba đế bốn môn một tâm bốn cụ. Đã biết tương tức nên đều nói nào có ngại gì. Điều thấu suốt tâm nguyên, đều xứng bất nhị. Chuyên dùng ý này mà bao quát tất cả, mới biết đại chỉ của kinh này là bất nhị. Tùy bốn Tất-đàn mà hợp cơ. Đã tự hành thì nhân đây mà khai

ngộ. Do đó lại nói pháp mình để chỉ bày người khác. “Ư kỳ ...” là hiển bày, nay là thời thứ năm. Môn thứ năm này há lia bốn môn trước, bốn thứ bất khả thuyết nên gọi là thứ năm. Lại nếu ước quán để nói, thì ba để đều chiếu thành bốn môn trước. Ba để đều mất mà thành môn thứ năm này. Mất và chiếu một thể, rộng như thế mà không nương nhờ. Tịnh Danh ngậm miệng há lia đây ư? Tổn và không tổn có thể được ý. “Cho nên đây...” là kết. Liệu giản, hỏi và đáp, Nói năm môn đều là giáo. Căn cứ bốn Tất-đàn kết thành, có hai: a’ dựa theo ba trước một sau mà giải thích. Chú rằng, là bốn Tất-đàn này đều ước lý mà nói, tùy cơ mà tạm khác, nhất định không sâu cạn. “Cũng vì ...” là ước trước sau đều bốn mà giải thích. Đã là cùng thành nên trước sau đều bốn, không nói có nói bốn lợi ích nào khác. Quan trọng là ở chỗ quy về, nó đồng quy ở đạo. Dẫn hai luận mà chứng thành: a, chứng thành bốn môn, dẫn luận. “nếu thật ...” là giải thích nghĩa, có hai: a, giải thích nghĩa môn. b, như thế ...” là nêu đặc thất. Vì tà kiến bị lửa đốt. Phàm lửa không chấp thì công năng giúp thân ấm, chín thức ăn. Nếu có chấp thì có họa đốt thịt phỏng tay. Hợp dụ pháp khác biết. “Nếu nhân ...” là kết bày môn thứ năm, Trước sinh sau hai thứ. “Đây không ...” là so với trên bày ý. Ngài Kinh Khê nói: Cũng là biệt muốn đến Viên giáo. Trên đã phán quyết các Bồ-tát thuộc Biệt giáo rồi, cho nên không thể nói thuộc Viên giáo mà giải thích. Đây cũng là hoàn toàn tùy văn mà phán quyết thôi. Nếu ba mươi hai người từ ý xa mà nói. Chỗ nhập cũng là bất khả thuyết. Người được ý viên, từ trước cũng đã phán quyết ba mươi hai người mỗi mỗi thông nhau, tức thành nghĩa viên. Cho nên nay trong đây được giải thích như thế. Môn bất khả thuyết cũng như thế. Biệt Viên bốn môn mỗi thứ đều có môn thứ năm bất khả thuyết, cho nên bất khả thuyết. Môn ấy cũng thông. Khấp nhiếp tất cả mới thuộc viên môn. “Vô ngôn...” là riêng bày vô ngôn, có hai: a, chung bày sáu thứ, có hai: a, căn cứ nội ngoại nói chung, có năm:

Trường Trảo, tức là Ma-ha Câu-hy-la, Hán dịch là Đại Tất, là cậu của ngài Xá-lợi-phất, từ xưa nay luận thắng chị mình. Nhưng khi chị có thai Xá-lợi-phất thì luận không thắng nữa. Nên biết là mang thai người trí, luận giùm còn thế, huống là khi xuất thai. Ông cậu bỏ nhà đến ở Nam Thiên Trúc đọc mười tám kinh, thề đọc mãi không nghỉ, không rảnh để cắt móng tay. Người lúc đó gọi là Phạm chí Trường trảo (móng tay dài). Ông trở về nhà hỏi cháu đang ở đâu. Người nói làm đệ tử Phật. Ông nổi kiêu mạn lớn nói cháu ta tám tuổi tiếng tăm chấn động cả năm cõi Thiên Trúc. Ông Sa-môn kia có đạo thuật gì dụ dỗ con chị ta. Bèn

đi thẳng đến chỗ Phật, suy nghĩ rất lâu mà chẳng được một pháp nào nhập tâm, liền hỏi Phật rằng: Tất cả pháp Không thọ, thọ thì có nghĩa an. Đây nói tất cả pháp ta đều có thể phá khiến không an, nên nói tất cả pháp Không thọ. Khí độc tức trong tâm ba cõi mà vọng chấp. Phải nói là đều ba cõi. Trong văn viết chữ đọc là lầm. “Tâm Phật...” là hiển bày Phật phá. Tâm Phật không có ba cõi, hiển bày tâm Phật từ bi mà phá tà chấp kia. “Nhữ chi...” là chánh nêu Phật phá. Trước nêu chấp của ông ta rồi hỏi lại mà phán định. Ông không thọ, là nêu chấp của ông ta. Ông thấy là thọ chẳng, là hỏi lại. Nghĩa là ông khởi cái thấy không thọ. Trong tâm ông là an khi thọ cái thấy này hay chẳng an mà thọ cái thấy này. “Nếu thấy...” là nêu ý vấn nạn của Phật để song phá chấp của ông ấy. Trước phá thọ, kế phá không thọ. Ý đầu, nếu cái thấy này của ông an thọ ở tâm, sao được tất cả là không thọ. Vì tâm thấy của ông cũng ở trong tất cả pháp. Kế phá chẳng thọ, phải nói là nếu thấy chẳng thọ. Nay nói không thấy là nói ngược. Ông thấy nếu cũng không thọ, sao được thấy người khác có thọ, liền muốn phá cái mình chấp mà đem phá người khác. Nghiệm thì biết tâm ông có thọ. Ông thọ ở thọ là tâm ông, lại thọ cái thấy chẳng thọ, cái thấy này tức là thọ. Nên nói ông thọ ở thọ. Thọ tức là khổ đế. Thọ có ba thọ. Khen mừng tức lạc thọ, chê giận tức khổ thọ, không khen không chê mà khởi si tức xả thọ. Lạc thọ có hoại khổ, khổ thọ có khổ khổ, xả thọ có hành khổ. Nếu nói thọ tức khổ đế. Lưu chuyển sinh tử, là do tập cảm khổ thọ mà sinh năm đạo, nên nói thọ đủ các thọ. “Vì sao...” là Phật kết trách. “Cho nên biết...” là chọn không phải. Độc tử. Tam tạng. Thông giáo. Biệt Viên. Căn cứ chánh giáo mà điểm bày. “Nay đây...” là riêng hiển nghĩa nay, dựa vào văn bày nghĩa, Biệt Viên đối luận. Đây vì các Thánh đều nhập thì thành nghĩa biệt. Cho nên khiến Văn-thù tức cũng thành biệt. Nếu dựa vào mỗi mỗi thông nhau liền thành nghĩa Viên. Nay tức cũng Viên. Một mực tạm phân Viên trước biệt. Hai lượt nói nghĩa trước sau gồm thông. Tuy nói biệt mà giải thích nhưng lấy viên làm chính. “Thủ văn ...” là dẫn văn hiển thị bao gồm, dẫn văn lập chung. Ngài Văn-thù đã nói tất cả pháp bất khả thuyết..., cho nên biết tất cả bao gồm bốn giáo và pháp của ngoại đạo đều bất khả thuyết. Nếu thế sao bảo rằng ngài Văn-thù nói Viên không hai ư? Chính do bao gồm phạm tiểu mới hiển bày viên môn, tức là một tâm bốn cụ, mười giới sáu phạm bốn Thánh. Phạm đối ngoại đạo, Thánh gồm bốn giáo, chín giới tức Phật, bao gồm tức không trung, cho nên đủ bất khả thuyết. Ý chỉ viên dung ở đây mà hiện rõ. “Niết-bàn ...” là dẫn kinh giải thích thành, có hai: a, dẫn Niết-bàn chánh

nói. Nay lấy sinh sinh cú thuộc phạm phu, tức là thân Trường Trảo và Độc Tử. Sinh bất sinh tức thân Tạng, Thông. Khi thế đế chết, tức kiến tư đã phá. Bất sinh sinh tức thập hạnh Biệt giáo cũng gồm thông tám Địa. Khi mới xuất thai. Đây vì trần sa hoặc bị phá mà đạo chủng trí sinh, nên gọi xuất thai. “Cho nên biết ...” là kết bày. Thế gian tức tà ngoại, xuất thế tức bốn giáo, trăm giới một tâm chỗ nào lại chẳng nhiếp. Dẫn Pháp Hoa giúp hiển bày, chánh căn cứ Viên mà giải thích. Các pháp khác tức ba giáo trước và tà ngoại... quyền này tức thật, danh thể trong quyền đều là Phật pháp. Cho nên khiến người bảy phương tiện không thể suy lường, ngôn từ đều vắng lặng. Mười giới quyền thật đều tịch diệt. “Giả ...” là giản lược hai giáo như trên. “lại nữa ...” là kết trước khởi sau. Duy-ma im lặng, có ba:

1. Văn-thù hỏi.
2. Tịnh Danh im lặng.
3. Văn-thù khen.

Cuối cùng những người nghe phẩm được lợi ích.
